

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch Phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng  
và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 5223/QĐ-BNNMT ngày 10/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Chương trình hành động số 10-CTr/ĐU ngày 20/3/2026 của Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

Căn cứ Quyết định số 1806/QĐ-BNNMT ngày 19/5/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Chính phủ nhiệm kỳ 2026-2031 trong ngành Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Kế hoạch Phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để chỉ đạo);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Cổng thông tin điện tử Bộ, Báo NN&MT;
- Lưu: VT, CCPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Võ Văn Hưng**

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050; Quyết định số 5223/QĐ-BNNMT ngày 10/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Kế hoạch phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030, với các nội dung như sau:

#### **I. QUAN ĐIỂM**

1. Phát triển hệ thống logistics phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản là giải pháp trọng yếu nhằm nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh nông sản Việt Nam góp phần quan trọng phát triển bền vững ngành nông nghiệp, hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026-2030 và Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050;

2. Đảm bảo phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

3. Phát triển hệ thống logistics nông nghiệp gắn kết với xây dựng vùng nguyên liệu, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản, kết nối vùng sản xuất với chế biến và thị trường trong nước, quốc tế;

4. Hiện đại hóa hệ thống logistics nông nghiệp, phát triển logistics xanh, bền vững, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ để nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam; kết nối sâu, rộng vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu; đồng thời nâng cao năng lực cho doanh nghiệp và chất lượng hoạt động dịch vụ logistics nông sản, nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

5. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực phát triển logistics nông nghiệp trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã đóng vai trò điều phối các hoạt động dịch vụ logistics, nhà nước tạo cơ chế, hỗ trợ xây dựng hạ tầng cơ bản, hỗ trợ tiếp cận các chính sách ưu đãi và các dịch vụ công cần thiết;

6. Tăng cường trách nhiệm của địa phương trong việc huy động các nguồn lực xã hội trên địa bàn (doanh nghiệp, hiệp hội), triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch thuộc phạm vi địa phương.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Phát triển hệ thống dịch vụ logistics trong nông nghiệp hiện đại, gắn kết chuỗi cung ứng nông sản nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.

### **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

a) Đảm bảo đáp ứng đủ năng lực dịch vụ logistics phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản tại các vùng sản xuất tập trung, đặc biệt là các ngành hàng chủ lực (gạo, cà phê, tôm, cá tra, rau quả, hạt điều, gỗ, cao su, chăn nuôi);

b) Phát triển dịch vụ logistics gắn với phát huy tối đa lợi thế về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của từng địa phương, vùng miền, đặc thù riêng của từng ngành hàng nông sản nhằm giảm chi phí, thời gian vận chuyển, bảo quản kịp thời, giảm thiểu tình trạng suy giảm chất lượng trong logistics;

c) 34/34 tỉnh, thành phố có kế hoạch, quy hoạch và bố trí nguồn lực cho phát triển hệ thống logistics nông sản, trọng tâm là hệ thống kho, bãi, phương tiện vận chuyển, dịch vụ phù hợp với đặc thù sản xuất nông sản địa phương, kết nối với các trung tâm logistics vùng, cảng biển, cao tốc, các cửa khẩu;

d) 80% doanh nghiệp dịch vụ logistics trong nông nghiệp ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số để cải thiện thời gian, chi phí logistics;

đ) 100% các vùng sản xuất hàng hóa nông, lâm, thủy sản tập trung được cung cấp đầy đủ các dịch vụ truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch, kiểm tra, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng, chế biến, phát triển thị trường.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

#### 1. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Phát triển hệ thống logistics nông sản từ vùng sản xuất kết nối với chế biến và tiêu thụ tại thị trường trong nước và quốc tế

- Xây dựng và phát triển các hệ thống logistics nông sản, các khu vực tập kết nông sản để bảo quản, phân loại, đóng gói, sơ chế, chế biến sâu nông sản, truy xuất nguồn gốc cho nông sản, thực hiện công tác kiểm dịch, kiểm định; cung cấp dịch vụ thương mại, xúc tiến đầu tư thương mại, chuyển giao công nghệ v.v.

- Phát triển hệ thống logistics nông sản từ vùng sản xuất tới các thị trường trọng điểm trong nước, các cửa khẩu quốc tế. Trong đó tập trung vào:

- + Kết nối với các vùng động lực tăng trưởng dịch vụ logistics tại vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ, miền Trung, miền Tây Nam Bộ, đặc biệt là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ.

- + Kết nối hạ tầng giao thông, dịch vụ vận tải đa phương thức giữa các vùng, miền, với các nước có chung biên giới và các nước trong khu vực, quốc tế.

- + Kết nối các trung tâm logistics gắn với các hành lang kinh tế trọng điểm theo trục Bắc - Nam phía Đông, hành lang kinh tế bao gồm: hành lang Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; hành lang Lạng Sơn - Bắc Ninh - Hà Nội; hành lang Quảng Trị - Huế - Đà Nẵng nối với Lào, Thái Lan, Campuchia; hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Tây Ninh; hành lang Cần Thơ - Vĩnh Long - An Giang - Đồng Tháp và hành lang Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng.

- Phát triển dịch vụ logistics tại vùng sản xuất tập trung, vùng sản xuất nguyên liệu nông sản chủ lực, trọng điểm, đảm bảo là nơi tập kết, phân loại, sơ chế nông sản, hỗ trợ tư vấn các dịch vụ kỹ thuật sản xuất, trình diễn thực nghiệm, quy trình sản xuất nông sản an toàn bền vững.

- Phát triển trung tâm logistics nông sản tại các vùng kinh tế trọng điểm, tạo đầu mối giao thương của các vùng trên cả nước để gắn kết các vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ trong nước và hoạt động xuất nhập khẩu.

- Phát triển trung tâm logistics nông sản tại các cửa khẩu với các nước láng giềng (như Trung Quốc, Lào, Campuchia) và tại các cảng biển lớn tập kết hàng hóa xuất, nhập khẩu, đảm bảo hạ tầng giao thông, hạ tầng chế biến bảo quản và xử lý môi trường theo quy định.

b) Đầu tư cơ sở hạ tầng dịch vụ logistics nông sản, nhất là tại vùng sản xuất tập trung và của các trung tâm logistics nông sản

- Rà soát đánh giá năng lực cung cấp các dịch vụ logistics đối với các ngành hàng chủ lực ở các vùng sản xuất tập trung (năng lực kho bãi, bảo quản, chế biến; cơ sở hạ tầng kết nối, hạ tầng thông tin v.v.).

- Các tỉnh, thành phố bố trí nguồn lực đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng các trung tâm logistics tại các vùng sản xuất, trọng tâm là hệ thống kho (bao gồm kho lạnh, kho dự trữ), khu vực tập kết, phương tiện vận chuyển, dịch vụ logistics phù hợp với đặc thù sản xuất nông sản địa phương kết nối với các trung tâm logistics vùng, cảng biển, cao tốc, các cửa khẩu được các địa phương, bộ ngành phát triển theo Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050.

- Các tỉnh, thành phố ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào phát triển các hoạt động logistics.

- Hoàn thiện hạ tầng giao thông tại các vùng nguyên liệu, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các hoạt động logistics, đảm bảo kết nối tốt với thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Tổ chức lại hệ thống thương lái gắn kết với các hộ nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã cung cấp hàng hóa và dịch vụ đảm bảo kết nối với các trung tâm logistics nông sản.

- Đầu tư các dịch vụ truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch, kiểm tra, kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng, chế biến, phát triển thị trường tại các đầu mối tập trung, trung tâm logistics.

c) **Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin hỗ trợ dịch vụ logistics nông sản**

- Đầu tư hạ tầng thông tin logistics nông sản, ứng dụng công nghệ thông tin trong logistics nông sản. Thực hiện chuyển đổi số, số hoá các công đoạn quản lý hoạt động tại các trung tâm logistics nông sản.

- Áp dụng mô hình chuỗi cung ứng số, thương mại điện tử cho nông sản. Phát triển các nền tảng logistics nông sản thông minh, ứng dụng AI, blockchain, big data trong quản lý và vận hành chuỗi lạnh.

- Thúc đẩy nền tảng thương mại điện tử kết nối logistics, hướng tới phát triển các Sở giao dịch hàng hóa nông sản mang tầm khu vực và quốc tế. Thúc đẩy hình thành các chuỗi logistics xanh kết nối giữa các vùng miền trong nước, khu vực và quốc tế dựa trên hệ thống vận tải đa phương thức.

- Đầu tư nghiên cứu các biện pháp giảm tổn thất sau thu hoạch, giải pháp công nghệ bảo quản, chế biến, quản lý logistics theo chuỗi, xử lý phụ phẩm trong nông nghiệp. Tuyên truyền giới thiệu các công nghệ phù hợp với các lĩnh vực ngành hàng, quy mô cho doanh nghiệp, hợp tác xã, người nông dân.

d) **Đẩy mạnh xúc tiến thương mại và hợp tác quốc tế**

- Hình thành các vùng sản xuất tập trung, vùng nguyên liệu lớn, xây dựng các chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu. Xây dựng chương trình quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại cho chuỗi cung ứng nông sản trên thị trường quốc tế.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về logistics, đẩy mạnh hợp tác đầu tư, khai thác, sử dụng các trung tâm logistics tại nước ngoài để thúc đẩy xuất khẩu nông

sản ra thị trường thế giới. Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, hiệp hội về logistics trong khu vực ASEAN và trên thế giới, thu hút doanh nghiệp logistics nước ngoài tham gia vào chuỗi cung ứng nông sản Việt ra thị trường thế giới.

đ) Đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống logistics nông sản

- Đào tạo kiến thức về logistics nông sản cho cán bộ ngành nông nghiệp, doanh nghiệp và hợp tác xã.

- Nâng cao năng lực đàm phán, ký kết hợp đồng, xử lý tranh chấp, gian lận thương mại liên quan đến hoạt động dịch vụ logistics.

- Đa dạng các hình thức đào tạo logistics nông sản, bao gồm đẩy mạnh đào tạo về logistics nông sản tại các trường đại học, đào tạo nghề. Nâng cao năng lực, xây dựng đội ngũ giáo viên tại các trường đại học, cao đẳng thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường về lĩnh vực logistics.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và chuyển giao công nghệ.

e) Hoàn thiện chính sách phát triển và thu hút các nhà đầu tư vào cung cấp dịch vụ logistics nông sản

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách về đất đai, tài chính, thủ tục hành chính phục vụ phát triển logistics nông sản.

- Hoàn thiện các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của hệ thống logistics nông sản.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư phát triển hệ thống logistics nông sản. Thúc đẩy liên kết công tư trong đầu tư phát triển dịch vụ logistics nông sản.

g) Theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả

- Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả logistics nông sản.

- Đánh giá định kỳ hàng năm và điều chỉnh kế hoạch theo kết quả thực tế.

- Hàng năm xây dựng báo cáo logistics nông sản.

## **2. Triển khai Kế hoạch phát triển hệ thống logistics trong các lĩnh vực ngành hàng nông sản chủ lực**

- Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Cục Chăn nuôi và Thú y: xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y.

- Cục Thủy sản và Kiểm ngư: xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư.

- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm: xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm.

- Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn: xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Kinh phí để thực hiện kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương); vốn doanh nghiệp, hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi, vốn ODA, vốn tài trợ, viện trợ khác và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Ngân sách nhà nước bố trí cho các nhiệm vụ, đề án tại Kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Các đơn vị thuộc Bộ, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng kế hoạch dự toán kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm, trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện Kế hoạch này theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Bộ, ngành, địa phương, Hiệp hội trong các Chương trình mục tiêu quốc gia có liên quan.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

###### **a) Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường**

- Chủ trì phối hợp với Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các địa phương phát triển hạ tầng logistics (trung tâm sơ chế, kho lạnh, vận tải nông sản...) gắn với xây dựng Chương trình nông thôn mới; Nghiên cứu, đề xuất bổ sung nội dung hỗ trợ phát triển hệ thống logistics phục vụ sản xuất, kinh doanh nông sản trong nội dung thực hiện của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035, trình cấp có thẩm quyền quyết định;

- Đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, các Bộ ngành, cơ quan liên quan và các tỉnh/thành phố thực hiện Kế hoạch này. Hàng năm báo cáo Bộ trưởng tình hình thực hiện Kế hoạch.

b) Các Cục chuyên ngành theo lĩnh vực sản xuất

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics trong các lĩnh vực ngành hàng nông sản chủ lực tại Mục 2, phần III.

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính

Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch này.

d) Vụ Hợp tác quốc tế

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển hệ thống logistics phục vụ nông nghiệp;

- Đầu mối phối hợp với các Bộ ngành huy động các nguồn hỗ trợ của các quỹ, các tổ chức quốc tế thực hiện Kế hoạch này.

đ) Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương

- Phối hợp với Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường hướng dẫn các địa phương đưa hạ tầng logistics (trung tâm sơ chế, kho lạnh, vận tải nông sản...) gắn với xây dựng nông thôn mới;

- Phối hợp với Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường nghiên cứu, đề xuất bổ sung nội dung hỗ trợ phát triển hệ thống logistics phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản trong nội dung thực hiện của Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2035, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

e) Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, tổ chức triển khai các mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp tham gia khai thác dịch vụ logistics nông sản tại vùng nguyên liệu và các trung tâm logistics; xây dựng cơ chế phối hợp giữa hợp tác xã với doanh nghiệp, thương nhân trong chuỗi logistics nông sản;

- Chủ trì xây dựng và nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ nông, lâm, thủy sản gắn với logistics. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực về logistics, quản trị chuỗi cung ứng, liên kết thị trường và chuyển đổi số cho hợp tác xã, tổ hợp tác và các tổ chức kinh tế tập thể trong nông nghiệp;

- Theo dõi, tổng hợp và đánh giá hiệu quả tham gia của kinh tế tập thể, hợp tác xã trong phát triển logistics nông sản; định kỳ báo cáo Bộ và phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển logistics cho kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

g) Cục Chuyển đổi số

- Xây dựng, vận hành nền tảng logistics nông sản điện tử và kết nối dữ liệu số ngành nông nghiệp và môi trường;

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong logistics nông sản, hướng dẫn địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới (AI, IoT, Big Data) vào quản lý, bảo quản, chế biến, vận chuyển và phân phối nông sản;

- Phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, hiệp hội và các trường đào tạo nâng cao năng lực số, kỹ năng quản trị chuỗi cung ứng số, thương mại điện tử cho hợp tác xã, doanh nghiệp;

- Theo dõi, tổng hợp và đánh giá hiệu quả về chuyển đổi số trong logistics nông sản; định kỳ báo cáo Bộ và đề xuất giải pháp điều chỉnh kịp thời để nâng cao hiệu quả thực hiện.

#### h) Vụ Khoa học và Công nghệ

Tham mưu để Bộ ưu tiên giao thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu về Công nghệ bảo quản, đóng gói, chuỗi lạnh, truy xuất nguồn gốc; Giải pháp phát triển logistics, logistics xanh, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong logistics nông nghiệp.

#### i) Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

- Nghiên cứu các giải pháp, công nghệ giảm tổn thất sau thu hoạch, giải pháp bảo quản, sơ chế, đóng gói, chế biến trong logistics nông nghiệp;

- Tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã công nghệ phát triển logistics nông nghiệp.

#### k) Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường

- Nghiên cứu, đánh giá và đề xuất chính sách và giải pháp nâng cao hiệu quả hệ thống logistics một số mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam;

- Phối hợp, hỗ trợ các địa phương trong việc xây dựng các trung tâm đầu mối nông nghiệp, các trung tâm logistics. Tham gia góp ý, phản biện các đề án, dự án trung tâm logistics nông sản cấp vùng và địa phương.

#### l) Các đơn vị khác thuộc Bộ

Thực hiện Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý được giao.

## **2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố**

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050 và Kế hoạch này:

- a) Rà soát, điều chỉnh cơ cấu sản xuất nông, lâm, thủy sản tại địa phương gắn với phát triển hạ tầng phù hợp với các nội dung logistics nông sản theo Kế hoạch này.

- b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, bổ sung các trung tâm logistics nông sản theo nội dung Kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- c) Hỗ trợ mặt bằng, hạ tầng thiết yếu cho xây dựng các trung tâm logistics nông sản.

d) Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có năng lực tham gia đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành các trung tâm logistics nông sản trên địa bàn.

đ) Hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản tại các vùng nguyên liệu chủ lực và tổ chức lại sản xuất theo mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết với doanh nghiệp, thương lái để cung cấp nông sản đảm bảo chất lượng, an toàn và bền vững thông qua hệ thống trung tâm logistics nông sản.

e) Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực của ngành được phân công trong Kế hoạch này.

### **3. Các Hội, Hiệp hội và doanh nghiệp**

Trên cơ sở Kế hoạch này, các Hội, Hiệp hội ngành hàng, Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam và các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị liên quan tích cực tham gia thực hiện các chuỗi logistics nông sản theo các nội dung và mục tiêu của Kế hoạch được phê duyệt.

### **4. Trách nhiệm báo cáo**

Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố và các tổ chức được giao thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch này định kỳ báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường trước ngày 05 tháng 12 hàng năm) về kết quả triển khai, tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao, những khó khăn và nguyên nhân trong quá trình tổ chức thực hiện để tổng hợp gửi cơ quan đầu mối báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

## **VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ**

Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Kế hoạch Phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục kèm theo./.

**Phụ lục**

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG LOGISTICS NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA NÔNG SẢN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

<b>TT</b>	<b>TÊN NHIỆM VỤ</b>	<b>CƠ QUAN CHỦ TRÌ</b>	<b>CƠ QUAN PHỐI HỢP</b>	<b>KẾT QUẢ</b>	<b>THỜI GIAN</b>
<b>I</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về logistics trong tổ chức sản xuất nông sản</b>				
1	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật giai đoạn 2026-2030	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định ban hành	2026
2	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y giai đoạn 2026-2030	Cục Chăn nuôi và Thú y	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định ban hành	2026
3	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư giai đoạn 2026-2030	Cục Thủy sản và Kiểm ngư	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định ban hành	2026
4	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm giai đoạn 2026-2030	Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định ban hành	2026
5	Xây dựng Kế hoạch hành động phát triển hệ thống logistics nhằm nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn giai đoạn 2026-2030	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố, các đơn vị thuộc Bộ	Quyết định ban hành	2026

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	KẾT QUẢ	THỜI GIAN
6	Tích hợp quy hoạch hạ tầng logistics nông nghiệp vào các đề án, dự án liên quan đến phát triển các vùng sản xuất tập trung, các vùng nguyên liệu lớn	Vụ Kế hoạch - Tài chính	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản đề xuất, góp ý	2026-2030
7	Quy hoạch và tổ chức vùng sản xuất tập trung gắn với trung tâm logistics nông sản vùng, bảo đảm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ	Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Quyết định ban hành	2026-2030
8	Phối hợp, hỗ trợ địa phương xây dựng các trung tâm logistics nông sản trong tổng thể quy hoạch và các Trung tâm logistics được định hướng tại Quyết định 2229/QĐ-TTg ngày 09/10/2025 Phê duyệt Chiến lược phát triển dịch vụ logistics Việt Nam thời kỳ 2025-2035, tầm nhìn đến 2050	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các đơn vị thuộc Bộ	Văn bản đề xuất, góp ý	2026-2030
9	Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phát triển các “vùng logistics nông nghiệp trọng điểm” tại một số vùng sản xuất lớn cho các nhóm hàng chủ lực	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Các đơn vị thuộc Bộ, địa phương, Hội, Hiệp hội các ngành hàng chủ lực	Báo cáo kết quả	2026
<b>II</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về cơ chế, chính sách và tiêu chuẩn kỹ thuật</b>				
1	Nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung, xây dựng các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm nông sản chủ lực nhằm phục vụ việc xây dựng, quản lý và phát triển hệ thống logistics nông sản	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2030
2	Nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư vào hạ tầng logistics nông nghiệp cho doanh nghiệp, hợp tác xã (đặc biệt là kho lạnh, sơ chế, truy xuất nguồn gốc trung tâm logistics,...)	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2030

<b>TT</b>	<b>TÊN NHIỆM VỤ</b>	<b>CƠ QUAN CHỦ TRÌ</b>	<b>CƠ QUAN PHỐI HỢP</b>	<b>KẾT QUẢ</b>	<b>THỜI GIAN</b>
3	Nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung xây dựng các cơ chế khuyến khích hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư và vận hành trung tâm logistics nông sản	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2030
4	Nghiên cứu, rà soát, đề xuất bổ sung xây dựng, ban hành tài liệu, hướng dẫn về logistics nông nghiệp xanh và tuần hoàn, khuyến khích giảm phát thải, sử dụng năng lượng sạch trong bảo quản và vận chuyển nông sản	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2030
5	Nghiên cứu xây dựng báo cáo logistics nông sản tại các vùng sản xuất tập trung cho các ngành hàng chủ lực	Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Báo cáo kết quả	2026-2030
<b>III</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về Khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong logistics nông nghiệp</b>				
1	Nghiên cứu đề xuất và xây dựng cơ sở dữ liệu về logistics nông sản, kết nối với hệ thống quản lý vùng nguyên liệu và xuất khẩu nông sản kết nối với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan	Cục Chuyển đổi số	Địa phương, các Cục	Báo cáo kết quả	2026-2027
2	Triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử liên thông từ sản xuất - chế biến - lưu thông - xuất khẩu	Cục Chuyển đổi số	Các Cục, địa phương, doanh nghiệp	Báo cáo kết quả	2026-2027
3	Tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu giải pháp và ứng dụng công nghệ số, IoT, blockchain, AI trong quản lý chuỗi lạnh và vận hành trung tâm logistics nông sản	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2030

<b>TT</b>	<b>TÊN NHIỆM VỤ</b>	<b>CƠ QUAN CHỦ TRÌ</b>	<b>CƠ QUAN PHỐI HỢP</b>	<b>KẾT QUẢ</b>	<b>THỜI GIAN</b>
4	Hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã chuyển đổi số trong hoạt động logistics (quản lý kho, vận tải, đặt hàng, bảo quản)	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cục Chuyển đổi số	Báo cáo kết quả	2026-2030
5	Nghiên cứu giải pháp công nghệ về logistics nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch; công nghệ bảo quản, chế biến nông sản	Vụ Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2027
<b>IV</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về đào tạo, nâng cao năng lực và truyền thông</b>				
1	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo logistics nông nghiệp cho sinh viên, tại các trường của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cho cán bộ ngành, doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã	Các Học viện, Viện, Trường thuộc Bộ	Các đơn vị thuộc Bộ, địa phương, doanh nghiệp	Báo cáo kết quả	2026-2027
2	Tổ chức tập huấn, diễn đàn giới thiệu chuyển giao công nghệ bảo quản, quản lý chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp nông nghiệp, thương nhân, các hợp tác xã	Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, các đơn vị thuộc Bộ, địa phương, doanh nghiệp	Báo cáo kết quả	2026-2030
3	Tổ chức diễn đàn logistics nông nghiệp quốc gia hàng năm	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Các đơn vị thuộc Bộ, địa phương, các Hội, Hiệp hội logistics, các ngành hàng chủ lực	Báo cáo kết quả	2026-2030

TT	TÊN NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	KẾT QUẢ	THỜI GIAN
<b>V</b>	<b>Nhóm nhiệm vụ về giám sát, đánh giá và quản lý nhà nước</b>				
1	Nghiên cứu, xây dựng Bộ chỉ số đánh giá hiệu quả logistics nông sản (AgriLog Index) để đo lường chi phí, tổn thất, năng suất, phát thải	Trường Chính sách công và Phát triển nông thôn	Viện Chiến lược, Chính sách Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị thuộc Bộ	Báo cáo kết quả	2026-2027
2	Xây dựng báo cáo hàng năm về kết quả thực hiện Kế hoạch	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Vụ Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị thuộc Bộ, địa phương	Báo cáo kết quả hàng năm	2026-2030